

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 382/2022/DS-PT

Ngày 22 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp quyền sử  
dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành.

*Các Thẩm phán:*

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Phạm Minh Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Vũ Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 16 và 22 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, tiền tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 245/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bé M, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Phạm Ngọc P1, sinh năm 1976;

2.2. Anh Phạm Quang T, sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền của anh P1 là: Anh Phạm Quang T, sinh năm

1972 (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2022, có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1947;

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1972 (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2022, có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Võ Thanh B, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ông Trần Văn P2, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Bé M.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Võ Thị Bé M trình bày:*

Bà cất nhà trên đất cha, mẹ bà để lại cho bà nhưng bà cho em bà là Võ Thanh B được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không biết diện tích, số thửa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Võ Thanh B đứng tên. Năm 2016, ông Võ Thanh B đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị D là mẹ của ông Phạm Quang T.

Vào khoảng 3 giờ 30 phút ngày 29/6/2019, anh Phạm Ngọc P1 con chú Tư Theo trại cưa xuống làm hàng rào, bà có nói đất này là đất của nhà nước có làm hàng rào thì cũng chừa ra 01 mét để người nhà ra thăm mộ ông bà, thăm huê lợi cây trồng mà bà M trồng. Nhưng anh P1 vẫn không chịu chừa đất ra anh P1 cho rằng đất này là của anh P1 mua, anh P1 vẫn quyết định xuống trụ xi măng khoảng 10 cây. Trên đất có chuối của bà M trồng anh P1 bẻ gãy hết. Ngày 30/8/2019, bà M có trồng chuối xác mương anh P1. Anh P1 thấy bà M trồng nên nói là không cho trồng, nếu trồng là anh P1 sẽ nhổ hết. Cùng ngày khi ra tới thì phát hiện mít, chuối của bà đều bị nhổ bỏ xuống hầm, ông Theo cũng thừa nhận việc nhổ mít và chuối của bà M.

Bà Võ Thị Bé M yêu cầu ông Phạm Ngọc P1 phải bồi thường thiệt hại cho bà M như sau:

- Về cây trồng: Chuối:  $139 \text{ cây} \times 200.000\text{đ}/01 \text{ cây} = 27.800.000 \text{ đồng}$ ; Mận:  $01 \text{ cây} \times 4.000.000\text{đ}/01 \text{ cây} = 4.000.000 \text{ đồng}$ ; Trăm:  $01 \text{ cây} \times 5.000.000\text{đ}/01 \text{ cây} = 5.000.000\text{đồng}$ ; Tổng cộng: 36.800.000 đồng. Tiền tổn thất tinh thần do ông Phạm Quang T và ông Phạm Ngọc P1 có lời lẽ xúc phạm là 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định.

- Yêu cầu anh Phạm Quang T có trách nhiệm bồi thường cho bà:  $13 \text{ cây mít} \times 55.000\text{đ}/01 \text{ cây} = 715.000\text{đồng}$ ;

Bà M thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 05/3/2021; Biên bản định giá tài sản của Tòa án và trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất vào ngày 05/3/2021 đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng.

Bà không đồng ý theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D, bà và ông Trần Văn P2 không đồng ý di dời nhà ở, tài sản có trên đất để trả lại cho bà D diện tích đất thuộc thửa số 1409, 1293 cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà không yêu cầu đưa chồng bà D vào tham gia trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà không khiếu nại gì về sau.

*Bị đơn anh Phạm Quang T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Ngọc P1, bà Hồ Thị D trình bày:*

Theo yêu cầu khởi kiện, bà Võ Thị Bé M yêu cầu ông và ông Phạm Ngọc P1 phải bồi thường thiệt hại cho bà M vì đã phá hoại cây trồng với số tiền là 36.800.000đồng; Yêu cầu ông P1 bồi thường danh dự nhân phẩm cho bà M vì đã có những lời lẽ xúc phạm đến bà M và gia đình với số tiền là 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, yêu cầu ông T có trách nhiệm bồi thường cho bà:  $13 \text{ cây mít} \times 55.000\text{đ}/01 \text{ cây} = 715.000 \text{ đồng}$ , ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé M và không đồng ý những lời khai của bà M tại Tòa án vì không đúng sự thật.

Trước đây, mẹ ông là bà Hồ Thị D có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Võ Thanh B ngụ tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà Võ Thị Bé M là chị của ông Võ Thanh B và hiện đang sinh sống trên đất, bà M trồng cây trên đất của ông nên ông mới đồn, đất của ông đã làm hàng rào rồi, ông chỉ đồn những cây trồng trên đất của ông, không đồn bất cứ cây gì trên đất của bà M.

Những yêu cầu của bà M đưa ra là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Nay, ông không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Khi nhận chuyển nhượng đất, ông B có thỏa thuận khi trả đủ tiền thì ông B yêu cầu bà M di dời nhà ở, tài sản để giao trả đất cho gia đình ông. Nhưng đến nay, gia đình ông đã trả đủ tiền mà bà M vẫn chưa di dời nhà ở, tài sản để giao trả đất cho gia đình ông.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bà Hồ Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Võ Thanh B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiếp tục giao đất đã chuyển nhượng cho bà D) và buộc bà M cùng chồng bà là ông P2 di dời nhà ở, tài sản có trên đất để trả lại cho bà diện tích đất thuộc thửa số 1409, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi kiểm tra lại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hồ Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Võ Thanh B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiếp tục giao đất đã chuyển nhượng cho bà D) và buộc bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2 di dời nhà ở có kết cấu gỗ tạp có diện tích là 46,5 m<sup>2</sup>, tài sản có trên đất để trả lại cho bà D, đất thuộc thửa số 1409, 1293 cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc các thửa đất số 1409, 1293 là do bà D nhận chuyển nhượng từ ông Võ Thanh B trong thời kỳ hôn nhân nhưng số tiền để nhận chuyển nhượng đất là do bà D tự bỏ tiền của cá nhân ra để nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên, không phải là tài sản chung của bà với chồng bà (ông Phạm Văn N), nay bà không yêu cầu đưa chồng bà vào tham gia trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, bà không khiếu nại gì về sau.

Ông T thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 05/3/2021; Biên bản định giá tài sản của Tòa án và trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất vào ngày 05/3/2021 đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng.

Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1409, 1293 do ông T đang giữ bản chính không có cầm cố thế chấp hay chuyển nhượng gì cho ai.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P2 trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà M. Ông không đồng ý theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D, ông và bà M không đồng ý di dời nhà ở, tài sản có trên đất để trả lại cho bà D diện tích đất thuộc thửa số 1409, 1293 cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông có nhu cầu được chuộc lại phần đất này. Ông không yêu cầu đưa chồng bà D vào tham gia trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, ông không khiếu nại gì về sau.

Ông thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 05/3/2021; Biên bản định giá tài sản của Tòa án và trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất vào ngày 05/3/2021 đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng.

\* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Đồng Tháp đã tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé M.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị D. Buộc anh Võ Thanh B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiếp tục giao đất đã chuyển nhượng cho bà D) và buộc bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2 di dời nhà ở cấp 4 diện tích 45,6m<sup>2</sup> (trong phạm vi từ M11 đến M12 đến M13 đến M14 và đến M11, từ M11 đến M12 là 5,48m, từ M12 đến M13 là 8,44m, từ M13 đến M14 là 5,56m và từ M14 đến M11 là 8,35m), khung thao lao cườm, đòn tay thao lao, cột thao lao, lợp tol sóng vuông, một mái sóng tròn, vách gỗ tạp, nền lót gạch tàu, cuốn nền xung quanh, phía sau nhà có mái che khung gỗ tạp, lợp tol sóng tròn để trả lại cho bà D diện tích đất thuộc các thửa đất số 1409, 2903 tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc cùng ngày 30/3/2021 của Tòa án và Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

- Bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2 được quyền lưu cư 04 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá:

+ Bà Võ Thị Bé M phải chịu số tiền là 1.840.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 770.000 đồng theo biên lai thu số

0004285 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền bà M phải nộp tiếp là 1.070.000 đồng.

+ Bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2, ông Võ Thanh B có trách nhiệm liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.657.116 đồng. Do ông Phạm Quang T tự nguyện chịu và đã chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/02/2022 bà Võ Thị Bé M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Đồng Tháp. Bà Võ Thị Bé M yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Bà M không thống nhất di dời nhà ở do phần đất này của cha mẹ cho, bà đã ở trên đất mấy chục năm. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc Phạm Ngọc P1, Phạm Quang T và ông T1 phải bồi thường việc phá hoại cây trồng và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà về việc đã dùng lời nói xúc phạm bà. Yêu cầu ông Phạm Ngọc P1 và ông T1 phải trực tiếp tham gia tại Tòa, bà không chấp nhận ủy quyền cho ông Phạm Quang T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị Bé M là nguyên đơn trình bày: Bà M yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm buộc Phạm Ngọc P1, Phạm Quang T và ông T1 phải bồi thường việc phá hoại cây trồng và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà về việc đã dùng lời nói xúc phạm bà.

Anh Phạm Quang T là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Ngọc P1 và bà Hồ Thị D trình bày: Anh không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Bé M đúng về hình thức, nội dung, nộp đúng hạn luật định nên kháng cáo của bà được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh B, ông Trần Văn P2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Ngày 29/7/2022, anh Phạm Quang T giao nộp cho Tòa án giấy ủy quyền của anh Phạm Ngọc P1, anh P1 ủy quyền cho anh T đến Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp để giải quyết vụ án với bà Võ Thị Bé M. Căn cứ Khoản 1 Điều 138 Bộ luật dân sự 2015 thì Phúc có quyền ủy quyền cho người khác, do đó anh T được tham tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của anh P1. Do đó bà M yêu cầu anh P1 phải tham gia giải quyết với bà tại Tòa án là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2020 của bà Võ Thị Bé M chỉ yêu cầu anh Phạm Ngọc P1 và anh Phạm Quang T bồi thường việc phá hoại cây trồng và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà về việc đã dùng lời nói xúc phạm bà không có yêu cầu gì đối với ông T1 nên Tòa án sơ thẩm không đưa ông T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc Phạm Ngọc P1, Phạm Quang T và ông T1 phải bồi thường việc phá hoại cây trồng và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà về việc đã dùng lời nói xúc phạm bà.

Bà M yêu cầu ông T1 phải bồi thường việc phá hoại cây trồng và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà về việc đã dùng lời nói xúc phạm bà. Xét thấy như nhận định trên, theo đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án sơ thẩm bà M không yêu cầu gì đối với ông T1 nên Tòa án sơ thẩm

không đưa ông T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án nên kháng cáo này của bà M là không có căn cứ chấp nhận.

Bà M yêu cầu anh T và anh P1 bồi thường việc phá hoại cây trồng tổng số tiền là 36.800.000 đồng và yêu cầu anh T bồi thường cho bà số tiền là 715.000 đồng. Xét thấy, trước đây vào năm 2010, nhà nước có thu hồi thửa đất số 652, diện tích 2.265,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 07 và thửa 46, diện tích 134,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10A của ông Võ Thanh B để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 30. Bà M trình bày sau khi nhà nước thu hồi đất thì bà có hỏi xin nhà nước để trồng cây như chuối, mận, trám, mít nhưng chỉ hỏi miệng và không có gì chứng minh. Đến năm 2019, khi anh P1, anh T làm hàng rào đã bẻ gãy và nhổ hết các cây do bà M trồng do đó bà M yêu cầu anh P1, anh T phải bồi thường cây trồng cho bà với tổng số tiền nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với các cây chuối, mít các đương sự đang tranh chấp trồng trên phần đất do Nhà nước đã thu hồi để sử dụng vào việc làm đường tránh Quốc lộ 30 vào năm 2009. Sau khi Nhà nước tiến hành thu hồi phần đất của gia đình bà M, đã tiến hành bồi thường giá trị đất, cây trồng trên đất cho người sử dụng đất xong, sự việc này được các bên đương sự thừa nhận. Ngoài ra, phần đất này do Nhà nước quản lý, sử dụng để làm đường tránh Quốc lộ 30, bà M tự ý trồng cây trên phần đất này bị đơn không thừa nhận có đốn, chặt, nhổ các cây trồng của bà M trồng. Ngoài ra, bị đơn cho rằng các cây trám, mận trồng trên đất bị đơn nên bị đơn mới đốn và bà M cũng không có căn cứ chứng minh cây trám, mận trồng trên đất là của bà M. Hơn nữa, tại thời điểm xảy ra sự việc cũng không có biên bản hay tài liệu của cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của phía bị đơn cũng như số lượng cây bị chặt đốn là loại cây gì và giá trị của từng loại cây là bao nhiêu, lời trình bày của bà M không được bị đơn thừa nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của bà là có căn cứ do đó Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của bà M là có căn cứ pháp luật.

Bà M yêu cầu bị đơn là ông P1 và ông T có nghĩa vụ bồi thường cho bà tiền tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm uy tín của bà là 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi sự việc xảy ra, hai bên có cự cãi nhau, bà bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhưng việc này không được chính quyền địa phương lập biên bản giải quyết vụ việc, bà vẫn đi làm, sinh hoạt trong cuộc sống bình thường. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện

và bị đơn cũng không thừa nhận đã xúc phạm bà nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bà M không đồng ý di dời nhà do đất này của cha mẹ bà cho bà, bà đã ở trên đất từ năm 1998, căn nhà tọa lạc trên một phần diện tích của hai thửa 1293 do bà Hồ Thị D đứng tên quyền sử dụng ngày 16/12/2011 và thửa 1409 do bà Hồ Thị D đứng tên quyền sử dụng ngày 18/02/2016 đều có nguồn gốc của ông Võ Thanh B chuyển nhượng lại cho bà D. Theo công văn số 2315/CNVPĐKDD-CCTT ngày 28/9/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thông tin nguồn gốc thửa đất 1409, tờ bản đồ số 07 được tách ra từ thửa 1361 cấp quyền sử dụng lần đầu cho hộ ông Võ Thanh B ngày 23/01/2013. Khi thực hiện thủ tục tách thửa có đo đạc thực tế theo xác định ranh giới, mốc giới của người sử dụng đất và chủ sử dụng đất giáp ranh. Sau khi thực hiện thủ tục tách thửa, ngày 19/01/2016 hộ ông B đã lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 1409, diện tích 312m<sup>2</sup> cho bà Hồ Thị D, hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã chứng thực hợp pháp. Bà D đã trả đủ tiền chuyển nhượng cho ông B nên ngày 18/02/2016 bà Hồ Thị D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, không ai tranh chấp. Nay bà M không đồng ý di dời nhà trả đất cho bà D vì cho rằng đây là đất của cha mẹ bà cho bà nhưng bà không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì các bên bà D, ông B đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc chuyển nhượng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, mục đích và nội dung hợp đồng chuyển nhượng không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tại thời điểm chuyển nhượng, quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án cũng không phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, theo biên bản hòa giải ngày 08/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, bà M trình bày: *“Phần đất tôi đang ở là 01 phần của ông T, 01 phần của nhà nước lúc trước bà (Dung) mẹ của ông (Trung) mua phần đất của em tôi có hứa cho tôi ở khi nào thì công đường và cầu tôi sẽ dời đi chỗ khác”*. Theo biên bản này, bà M đã thừa nhận đây là đất của ông B (em ruột bà M) đã chuyển nhượng cho bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M trình bày bà và chồng là ông P2 đã giới thiệu cho phía gia đình bà D mua đất của ông B và bà thống nhất việc ông B chuyển nhượng đất cho bà D, không ý kiến tranh cãi và ông B có hứa với bà khi nào Nhà nước làm đường sẽ tách cho bà một nền nhà ngang 10m x dài 20m và hiện nếu di dời nhà theo bản án sơ thẩm đã tuyên thì bà vẫn còn một khu đất trống (gần mộ cha mẹ bà M) để di dời nhà, ngoài ra bà cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng

minh phần đất đang tranh chấp của cha, mẹ bà để lại cho bà và cũng như tài liệu, chứng cứ chứng minh bà được quyền sử dụng đất hợp pháp và yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ.

Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc bà M, ông P2 di dời nhà ở gỗ tạp diện tích 46,5m<sup>2</sup> thuộc phạm vi các mốc M11 - M12 - M13 - M14 - M11, tài sản có trên đất để trả lại đất cho bà D thuộc một phần thửa 1409, 1293, cùng tờ bản đồ số 07 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa lại cách tuyên án cho phù hợp và đảm bảo thi hành án sau này nên quyết định sửa lại cách tuyên án cho phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Võ Thị Bé M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 410, 500 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 188, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Võ Thị Bé M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé M về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc P1 phải bồi thường thiệt hại cây trồng tổng cộng 36.800.000 đồng. Tiền tổn thất tinh thần do ông Phạm Quang T và ông Phạm Ngọc P1 có lời lẽ xúc phạm là 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định. Yêu cầu anh Phạm Quang T có trách nhiệm bồi thường cây trồng cho bà 715.000đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị D yêu cầu ông Võ Thanh B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiếp tục giao đất đã chuyển nhượng cho bà D) và buộc bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2 di dời nhà bằng gỗ tạp, diện tích là 46,5m<sup>2</sup>, tài sản có trên đất thuộc phạm vi các mốc M11 - M12 - M13 - M14 - M11 để trả lại cho bà D diện tích đất thuộc thửa số 1409, 1293 cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp .

Buộc anh Võ Thanh B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiếp tục giao đất đã chuyển nhượng cho bà D) và buộc bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2 di dời căn nhà tạm bằng gỗ tạp, diện tích 46,5m<sup>2</sup>, tài sản có trên đất thuộc phạm vi các mốc M11 - M12 - M13 - M14 - M11 để trả lại cho bà Hồ Thị D diện tích đất thuộc các thửa đất số 1409, 2903 tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (kích thước, kết cấu căn nhà...được thể hiện theo các mốc trên sơ đồ đo đạc đất tranh chấp của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện C).

Bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2 được quyền lưu cư 04 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 3.657.116 đồng. Do ông Phạm Quang T tự nguyện chịu và đã chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Bé M phải chịu số tiền là 1.840.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 770.000 đồng theo biên lai thu số 0004285 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Số tiền bà M phải nộp tiếp là 1.070.000 đồng.

Bà Võ Thị Bé M, ông Trần Văn P2, ông Võ Thanh B có trách nhiệm liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị Bé M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007388 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trung Thành**